

18. XÃ SÔNG ĐỐC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sông Ông Đốc (bờ Bắc)	Trạm kiểm soát Biên Phòng Sông Đốc, Ấp 1	Hết ranh đất Xí nghiệp sửa chữa tàu, Ấp 1	2.170
2	Sông Ông Đốc (bờ Bắc)	Đất Khu xăng dầu Năm Châu, Ấp 1	Hết ranh đất bà Phạm Thị Nhân, Ấp 1	3.260
3	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Đất Hẫng nước đá Đồn Biên phòng Sông Đốc, Ấp 1	Hết ranh đất Trường Tiểu học 4	4.420
4	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Đất Chi nhánh Bảo hiểm, Ấp 1	Hết ranh đất Chùa Bà K1	4.720
5	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất bà Trần Thị Thủy, Ấp 1	Hết ranh đất ông Nguyễn Quang Tiệp, Ấp 1	4.800
6	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất bà Tạ Thị Liễu, Ấp 2	Hết ranh đất ông Đoàn Thanh Quang, Ấp 2	4.800
7	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Huỳnh Văn Hồng, Ấp 2	Đầu Voi Rạch Bàng Ky	3.070
8	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Tiệm Cầm Đồ Hương Lan	Nhà bà Võ Thị Xuyên	3.000
9	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm chùa Bà Thiên Hậu, Ấp 1	Hết ranh đất ông Nguyễn Anh Tài	1.420
10	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ao cá Hội nông dân, Ấp 1	Hết ranh đất ông Lê Văn Trước, Ấp 1	1.290
11	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà bà Lê Thanh Xuân, Ấp 1	Hẻm nhà ông Trần Văn Thơ, Ấp 1	1.290
12	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất bà Đỗ Thị Lan, Ấp 2	Hết ranh đất ông Nguyễn Thanh Liêm, Ấp 2	4.420

Xã Sông Đốc

Đơn vị tính: 1.000 đồng/h

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
13	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất bà Lê Minh Nguyệt, Ấp 2	Hết ranh dây Kiốt ông Huỳnh Thanh Bình, Ấp 2	5.000
14	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Cao Thanh Xuyên, Ấp 2	Hẻm nhà ông Tống Hoàng Ân, Ấp 2	1.740
15	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Nguyễn Minh Hoàng, Ấp 2	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Hùng, Ấp 2	1.740
16	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Huỳnh Thanh Bình, Ấp 2	Hẻm nhà ông Võ Văn Việt, Ấp 2	1.740
17	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Đỗ Văn Vĩnh, Ấp 2	Hết ranh đất ông Phạm Việt Hùng, Ấp 2	2.880
18	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Từ Hữu Dũng, Ấp 2	Hết ranh đất ông Huỳnh Thành, Ấp 2	1.740
19	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Nguyễn Hữu Trí, Ấp 2	Hẻm nhà ông Trần Minh Quân, Ấp 2	2.170
20	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Trần Văn Khôi, Ấp 2	Hẻm nhà ông Huỳnh Ngọc Bình, Ấp 2	1.740
21	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Tình, Ấp 2	Hẻm nhà bà Dương Thị Xa, Ấp 2	1.740
22	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Hiền, Ấp 2	Hết ranh đất bà Lê Thị Thơ, Ấp 2	1.500
23	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Lê Văn Thắng, Ấp 2	hết ranh đất Nguyễn Hồng Thắm	1.360
24	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Phạm Thanh Hùng, Ấp 2	Hết ranh đất ông Đoàn Văn Lượm, Ấp 2	4.420

Đơn vị tính: 1.000 đồng/h

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
25	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà bà Lê Thị Phi, Ấp 2	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thống, Ấp 2	1.740
26	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Cầu bê tông kênh Kiểm Lâm, Ấp 1	Hết ranh đất ông Lê Thanh Tùng, Ấp 3	3.260
27	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Cống rạch Bàng Ky, Ấp 3	Ranh đất trụ sở UBND thị trấn Sông Đốc	4.720
28	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Trần Văn Nhị, Ấp 3	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Huỳnh Tuyền	2.440
29	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Tân, Ấp 3	Hết ranh đất ông Dương Văn Thế, Ấp 3	2.440
30	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Phạm Văn Thùy, Ấp 3 (2 bên)	Hết ranh đất ông Lê Văn Khánh, Ấp 3	2.170
31	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Trụ sở UBND xã Sông Đốc	Hết ranh đất bà Võ Thị Hà, Ấp 7	4.740
32	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Lê Việt Hùng, Ấp 7 (2 bên)	Hết ranh đất ông Phạm Hoàng Dũng, Ấp 7	4.200
33	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Lữ Thanh Vũ, Ấp 7	Hết ranh đất ông Trần Văn Giàu, Ấp 7	2.320
34	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Phạm Thanh Bình, Ấp 7	Hết ranh đất ông Trần Quốc Việt, Ấp 7	2.440
35	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Đặng Văn Đang, Ấp 7	Hết ranh đất ông Trần Minh Hoàng, Ấp 7	2.770
36	Sông Ông Đốc (bờ Bắc)	Hết ranh đất cây xăng dầu Khánh Duy, Ấp 7	Hết ranh Hải Đội 2, Ấp 7	2.160

Đơn vị tính: 1.000 đồng/h

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
37	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Cao Văn Bình, Ấp 7	Hết ranh đất ông Phạm Minh Quang, Ấp 7	2.500
38	Sông Ông Đốc (bờ Bắc)	Ranh đất ông Phan Minh Dương	Hết ranh đất ông Lữ Thanh Vũ, Ấp 7	5.200
39	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hàng rào bên trong Xí nghiệp CBTTS Sông Đốc	Phạm Thanh Diệu, Ấp 7	2.770
40	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà bà Trần Hồng Lạc, Ấp 8	Hết ranh đất bà Trần Thị Lan, Ấp 8	860
41	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Trần Văn Thương, Ấp 8	Hết ranh đất bà Lê Ánh Xuân, Ấp 8	860
42	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Huỳnh Văn Bò, Ấp 8	Hết ranh đất ông Lâm Chí Lâm, Ấp 8	1.260
43	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Nguyễn Văn Dũng, Ấp 8 (2 bên)	Hết ranh đất ông Phùng Thanh Vân, Ấp 8	860
44	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Nguyễn Văn Chiến, Ấp 8	Hết ranh đất ông Hiền, Ấp 8	860
45	Kênh Ông Lan (2 bên)	Nhà ông Trần Ngọc Lan, Ấp 8.	Về hướng Bắc: 250m	500
46	Kênh xáng Nông Trường (bờ Nam)	Ranh đất ông Phạm Văn Nam	Hết ranh đất Bà Phạm Thị Lê	1.180
47	Kênh xáng Nông Trường (bờ Bắc)	Ranh đất ông Trần Văn Dũng	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thành, Ấp 8	1.170
48	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Việt	Về hướng Bắc: 250 m	860

Đơn vị tính: 1.000 đồng/h

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
49	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hết ranh đất ông Trần Văn Tinh	Kênh xáng Nông trường, Ấp 8	1.500
50	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Lã Mai Thùy, Ấp 8	Kênh xáng Nông trường, Ấp 8	1.260
51	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Huỳnh Thanh Tuấn, Ấp 8	Kênh xáng Nông trường, Ấp 8	1.260
52	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Phạm Việt Cường	Kênh xáng Nông trường, Ấp 8	1.500
53	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Đặng Văn Vinh, Ấp 8	Kênh xáng Nông trường, Ấp 8	1.260
54	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Kênh Cầu Dừa, Ấp 8	Về hướng Bắc 250m	1.260
55	Bờ Đông kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Kiều Minh Thành, Ấp 10	Lộ Trung tâm bờ Bắc Sông Đốc	1.500
56	Bờ Đông kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Trần Văn Khấp, Ấp 10	Hết đất ông Phạm Văn Uyên, Ấp 10	1.260
57	Kênh xáng Nông Trường (2 bên)	Đất ông Trần Ngọc Minh, Ấp 10	Giáp kênh Phủ Lý, Ấp 12	1.250
58	Bờ Đông kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà Ông Trần Văn Việt, Ấp 10	Lộ trung tâm bờ Bắc Sông Đốc	2.170
59	Bờ Đông kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất bà Vũ Thị Huyền, Ấp 10	Lộ trung tâm bờ Bắc Sông Đốc	2.110
60	Kênh Xã Thuận (2 bên)	Cổng xã Thuận	Về hướng Bắc: 250m	680
61	Kênh Nhiều Đáo (2 bên)	Tiếp giáp tuyến lộ Sông Đốc - Tắc Thủ	Về hướng Bắc: 250m	500
62	Kênh Phủ Lý (2 bên)	Cổng Phủ Lý	Về hướng Bắc: 250m	590
63	Kênh Cựa Gà	Tiếp giáp tuyến lộ Sông Đốc - Tắc Thủ	Về hướng Bắc: 250m	590

Đơn vị tính: 1.000 đồng/h

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
64	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Tiến, Ấp 9	Kênh xáng Nông trường, Ấp 9	800
65	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Từ, Ấp 9	Kênh xáng Nông trường, Ấp 9	800
66	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà bà Đoàn Thị Loan, Ấp 9	Kênh xáng Nông trường, Ấp 9	800
67	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Phạm Hoàng Tất, Ấp 7	Dãy tập thể giáo viên, Ấp 7	1.500
68	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà bà Lê Kiều Nương, Ấp 7	Nhà ông Phan Hoàng Phi, Ấp 7	1.500
69	Lộ Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc (2 bên)	Cầu sắt kênh Rạch Ruộng, Ấp 10	Cống Xã Thuận	12.000
70	Lộ Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc (2 bên)	Cống xã Thuận	Kênh Nhiều Đáo	10.000
71	Lộ Tắc Thủ - Rạch Ráng- Sông Đốc (2 bên)	Kênh Nhiều Đáo	Kênh Phủ Lý	7.100
72	Lộ Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc (2 Bên)	Kênh Phủ Lý	Giáp xã Khánh Hưng	4.420
73	Sông Ông Đốc (bờ Nam)	Kênh Bảy Thanh	Hãng nước đá Hiệp Thành, Ấp 5	4.420
74	Sông Ông Đốc (bờ Nam)	Đất ông Lê Hùng Anh, Ấp 5	Đất bà Tạ Mỹ Hen, Ấp 5	5.620
75	Sông Ông Đốc (bờ Nam)	Hãng nước đá Hiệp Thành, Ấp 5	Kênh Rạch Vinh, Ấp 5	3.700
76	Sông Ông Đốc (bờ Nam)	Công Ty KTDV Sông Đốc K4 (mặt sông)	Đầu vằm kênh Thầy Tư, Ấp 4	9.770
77	Sông Ông Đốc (bờ Nam)	Kênh Xáng cùng, Ấp 6A	Kênh Xáng Mới	8.650

Đơn vị tính: 1.000 đồng/h

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
78	Bờ Nam Sông Ông Đốc	Kênh Rạch Vĩnh, Ấp 4 (Tuyến lộ)	Cầu kênh Thầy Tư, Ấp 4	8.650
79	Bờ Nam Sông Ông Đốc	Cầu kênh Thầy Tư, Ấp 4 (tuyến lộ)	Kênh Xáng cùng, Ấp 4	8.650
80	Bờ Nam Sông Ông Đốc	Kênh Rạch Vĩnh bờ Đông (Ranh đất ông Đặng Văn Đông)	Đê Tả, Ấp 5	3.070
81	Bờ Nam Sông Ông Đốc	Miếu (Bờ tây Kênh Rạch Vĩnh)	Đê Tả, Ấp 4	4.430
82	Bờ Nam Sông ông Đốc	Cầu kênh Thầy Tư (Bờ Tây), Ấp 4	Đê Tả, Ấp 4	3.100
83	Bờ Nam Sông Ông Đốc	Cầu kênh Thầy Tư (Bờ Đông), Ấp 4	Đê Tả, Ấp 4	2.700
84	Bờ Nam Sông ông Đốc	Cầu kênh Xáng cùng, Ấp 6A (2 bờ Đông, Tây)	Đê Tả, Ấp 6A	1.040
85	Bờ Nam Sông ông Đốc	Kênh xáng Mới, ranh đất bà Lý Kim Tiên (Bờ Đông)	Đê Tả, Ấp 6A	1.040
86	Bờ Nam Sông ông Đốc	Kênh Xáng Mới, ranh đất ông Trần Văn Lên (Bờ Tây)	Đê Tả, Ấp 6A	1.250
87	Bờ Nam Sông ông Đốc	Cầu kênh Xẻo Quao, Ấp 6A (2 bờ Đông, Tây)	Đê Tả, Ấp 6A	1.170
88	Bờ Nam Sông ông Đốc	Ranh đất bà Lê Thị Tươi, Ấp 6A	Hết ranh đất ông Nguyễn Hữu Phước	1.250
89	Bờ Nam Sông ông Đốc	Ranh đất bà Trần Ánh Nguyệt, Ấp 6A	Hết ranh đất bà Phạm Thị Thủy, Ấp 6A	1.040

Đơn vị tính: 1.000 đồng/h

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
90	Bờ Nam Sông ông Đốc	Ranh đất bà Lê Thị Nhanh (Thửa 65, tờ 36), Ấp 6A	Hết ranh đất ông Hà Việt Hoa	860
91	Bờ Nam Sông ông Đốc	Ranh đất ông Trịnh Thị Trang, Ấp 6A	Hết ranh đất ông Lại Văn Giàu (2 bên), Ấp 6A	860
92	Bờ Nam Sông ông Đốc	Ranh đất ông Nguyễn Thanh Hùng, Ấp 6A	Hết ranh đất bà Lê Ánh Xuân (2 bên), Ấp 6A	870
93	Bờ Nam Sông ông Đốc	Hẻm nhà ông Châu Ngọc Sỹ, Ấp 6A	Hết ranh đất ông Hải	1.000
94	Bờ Nam Sông ông Đốc	Nhà ông Đặng Văn Sang, Ấp 6A	Cầu Thủy Lợi	2.770
95	Bờ Nam Sông ông Đốc	Nhà ông Huỳnh Thanh Hùng	Nhà ông Võ Khánh Duy	2.770
96	Bờ Nam Sông ông Đốc	Ranh đất ông Nguyễn Thanh Dũng, Ấp 6A	Hết ranh đất ông Hồ Văn Vàng, Ấp 6A	1.260
97	Bờ Nam Sông ông Đốc	Khu dân cư Xẻo Quao, Ấp 6B (Khu A)		1.740
98	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Lê Chí Nguyên, Ấp 7	Hết ranh đất bà Phạm Thị Lắm, Ấp 7	2.770
99	Hẻm	Ranh đất ông Huỳnh Ngọc Phương	Hết ranh đất ông Nguyễn Ngọc Sinh	1.420
100	Tuyến đường cầu Rạch Ruộng nhỏ	Trụ sở UBND TT. Sông Đốc (cũ), Ấp 7	Lộ nhựa Rạch Ráng - Sông Đốc, Ấp 10 (Tiếp giáp lộ Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc)	16.000
101	Bờ Đông kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất nhà bà lê Chúc Mừng, Ấp 7	Hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Lang, Ấp 7	1.290

Đơn vị tính: 1.000 đồng/h

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
102	Bờ Đông kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất nhà bà Lê Thị Kiều, Ấp 7	Hết ranh đất nhà ông Lê Văn Chờ, Ấp 7	1.500
103	Hẻm	Ranh đất nhà ông Nguyễn Ngọc Chọn, Ấp 8	Hết ranh đất Nguyễn Thị Hoa, Ấp 8	1.040
104	Hẻm	Nhà bà Phạm Thị Cúc	Nhà ông Phạm Văn Chiến	1.040
105	Hẻm	Nhà ông Phan Văn Hội	Hết ranh đất Hoàng Thị Rộng, Ấp 8	1.040
106	Hẻm	Ranh đất nhà Phạm Văn Thái, Ấp 8	Hết ranh đất Phan Văn Toại	1.040
107	Đầu nối lộ Bờ Nam Sông Đốc, Ấp 6B	Ranh đất ông Dương Văn Rớt	Ranh đất Đỗ Thành Phước	2.770
108	Đầu nối lộ Bờ Nam Sông Đốc, Ấp 6A	Ranh đất ông Trần Văn Sinh	Ranh đất ông Bạch Trung Đáng	1.500
109	Lộ Bờ Nam Sông Đốc (Đoạn có dải phân cách)	Kênh 7 Thanh	Cầu kênh Rạch Vinh	7.000
110	Lộ Bờ Nam Sông Đốc (Đoạn có dải phân cách)	Cầu kênh Rạch Vinh	Cống Thầy Tư	10.000
111	Lộ Bờ Nam Sông Đốc (Đoạn không có dải phân cách)	Cống Thầy Tư	Đê Biển Tây	4.420
112	Hẻm, Ấp 7	Nhà ông Lê Văn Thạnh	Nhà ông Lê Văn Tỷ	1.500
113	Hẻm, Ấp 7	Nhà ông Nguyễn Văn Tất	Trường THCS 1 Sông Đốc	1.500
114	Kênh Đê Tả	Đất ông Nguyễn Tuấn	Hết phần đất ông Trần Văn Ngọc (giáp Đê trung ương, Ấp 6B)	340

Đơn vị tính: 1.000 đồng/h

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
115	Tuyến lộ nhựa	Cầu Sông Ông Đốc		Đầu nối lộ Bờ Nam Sông Đốc
116	Tuyến trung tâm xã Phong Điền (cũ)	Ranh đất ông Trịnh Văn Nguyễn		Kênh Dầu Xây (Hết ranh đất ông Ngô Tấn Môn)
117	Tuyến trung tâm xã Phong Điền (cũ)	Kênh Bảy Thanh		Kênh Dầu Xây (tuyến ven sông)
118	Tuyến trung tâm xã Phong Điền (cũ)	Kênh Dầu Xây		Hết ranh đất Nguyễn Văn Thu
119	Lộ Bờ Nam Sông Đốc	Kênh Sáng Bà Kẹo		Kênh Lựu Đạn (Hết ranh đất ông Dương Việt Sử)
120	Lộ Bờ Nam Sông Đốc	Kênh Lựu Đạn (Ranh đất ông Dương Việt Sử)		Kênh Bảy Thanh (Cầu Bảy Thanh)
121	Tuyến Rẫy mới - Mỹ Bình	Ranh đất ông Phan Út Chín		Hết ranh đất ông Trần Văn Nhiều
122	Tuyến Rạch Vinh	Cầu Dầu Sáu (Áp Mỹ Bình)		Hết ranh đất ông Nguyễn Như Ý
123	Khu tái định cư xen ghép Sông Đốc thuộc Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp đê biển Tây			
	Khu tái định cư Xẻo Quao			
124	Đường số 11	Đường số 8		Đường số 9
125	Đường số 35	Vòng xoay cầu Sông Ông Đốc (bờ Bắc)		Ranh dự án Khu đô thị, dân cư Khóm 9
126	Đường số 8 (Áp 9)	Cầu qua kênh Quảng Thép		Trụ sở UBND xã Sông Đốc
127	Tuyến đường số 1 Khu tái định cư khóm 6B, Sông Đốc (tuyến đường bờ Nam, 2 bên)	Ranh đất ông Ngô Minh Dương, khóm 6A, thị trấn Sông Đốc		Đê biển Tây, khóm 6B, thị trấn Sông Đốc
Xã Sông Đốc				

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
128	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ >3 m			400
129	Các tuyến lộ Bê tông trong thị trấn từ 1m - 1,5m			340
130	Tuyến bờ Nam Sông Đốc	Kênh Sáng Bà Kẹo	Giáp ranh Xã Phong Lạc	1.740
131	Tuyến lộ Trung tâm xã	Từ đầu lộ nhựa tiếp giáp Sông Đốc (Ranh đất ông Mười Đet)	Ngã 3 (Hướng về huyện)	1.740
132	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng Có chiều rộng từ trên 3m -5m, thuộc các, Ấp 1, 2, 3, 4, 5, 6A, 6B, 7, 8, 9, 10			1.500
133	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng Có chiều rộng từ trên 3m -5m, thuộc các ấp còn lại của TT. Sông Đốc (cũ)			1.000
134	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng Có chiều rộng từ trên 3m -5m, thuộc các ấp còn lại của xã Phong Điền (cũ)			600
135	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ ≤ 2m			300
136	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng 'Có chiều rộng từ >2m đến ≤ 3m, thuộc TT. Sông Đốc (cũ)			400
137	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng 'Có chiều rộng từ >2m đến ≤ 3m, thuộc xã Phong Điền (cũ)			340
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		250
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200